

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

T. Thuận

15

1): 25
H: 4

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (May)
(22400701)

Ngày thi: 08/11/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B106

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 2

Số tờ giấy thi: 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP
1	2121130061	Nguyễn Thị Kiều Anh	06/02/2003	CCQ2113B	04		9.2	81	85
2	2120130031	Đinh Thị Hồng Ánh	18/04/2002	CCQ2013B	03		8.9	49	65
3	2122130085	Trần Thị Phương Anh	01/11/2004	CCQ2213C			0.0		
4	2121130025	Phạm Thị Hồng Cẩm	25/08/2003	CCQ2113A	01	Cẩm	8.4	47	62
5	2120130033	Vô Thị Kim Cúc	17/05/2002	CCQ2013B	04		9.7	78	86
6	2121130034	Nguyễn Thị Ngọc Dung	05/03/2003	CCQ2113B	03	Dung	8.8	48	64
7	2121130015	Trương Thị Mỹ Dung	25/12/2003	CCQ2113A	02		8.7	64	73
8	2121130008	Lê Anh Duy	22/06/2003	CCQ2113A	01	Duy	7.9	28	48
9	2121130018	Lý Thị Duyên	05/07/2003	CCQ2113A	04	Duyên	7.5	33	50
10	2121130060	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	24/07/2001	CCQ2113B	03	Duyên	7.3	28	46
11	2121130011	Trần Kiều Duyên	15/09/2003	CCQ2113A	02	Duyên	8.3	51	64
12	2121130063	Đặng Thị Ngọc Hân	17/07/2003	CCQ2113A	01		8.4	28	50
13	2121130046	Vũ Ngọc Bích Hằng	10/11/2001	CCQ2113B	04	Hằng	7.7	20	43
14	2120130037	Hoàng Thị Hạnh	11/04/2001	CCQ2013B	03	Hạnh	9.2	60	73
15	2121130026	Trần Thị Hào	03/09/2003	CCQ2113A	02	Hào	8.5	36	56
16	2121130031	Vô Thị Hào	02/01/2003	CCQ2113B	01	Hào	7.4	28	46
17	2121130053	Mai Thị Quỳnh Hoa	23/05/2003	CCQ2113B	09		9.1	46	64
18	2121130024	Nào Nữ Thuyên Hoà	16/04/2002	CCQ2113A	03	Hoà	8.2	36	54
19	2121130017	Huỳnh Thị Hoa Hồng	08/05/2003	CCQ2113A	02	Hồng	7.9	66	71
20	2121130006	Tổng Thị Mỹ Huệ	06/06/2003	CCQ2113A	01	Huệ	8.2	41	57
21	2121130054	Vũ Thị Thu Hương	13/05/2003	CCQ2113B	04		9.0	38	59
22	2121120375	Nguyễn Thị Ngân Huyền	16/06/1992	CCQ2113B	03		9.1	71	79
23	2121130033	Đạo Thị Kim Hy	24/11/2003	CCQ2113B	02	Hy	8.3	46	61
24	2120130011	Trần Thị Linh	28/01/2002	CCQ2013A	01	Linh	7.2	45	56
25	2121130001	Nguyễn Thị Kim Loan	25/08/2001	CCQ2113A	04		8.3	47	61
26	2121130004	Trương Thị Thanh Loan	28/06/2003	CCQ2113A	03	Loan	7.2	51	59
27	2121130014	Nguyễn Triệu Mẫn	15/11/2003	CCQ2113A	02	Mẫn	8.3	48	62
28	2121130048	Vô Trà My	20/04/2003	CCQ2113B	01		8.5	71	77

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

T. Thuận

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (May)
(22400701)

Ngày thi: 08/11/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B106

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2120130045	Nguyễn Thị Nền	01/01/2001	CCQ2013B	03		7.4	48	58
30	2120130046	Dương Thu Nga	20/03/2002	CCQ2013B	04		8.3	63	71

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

T. Thuận

16

4): 27
H: 01

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (May)
(22400701)

Ngày thi: 08/11/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B107

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: ...28...

Số tờ giấy thi: 28

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121130055	Lê Thị Ngọc	Nga	01/04/2003	CCQ2113B	04		9.1	50	66
2	2121130037	Nguyễn Thị Vân	Nga	14/05/2003	CCQ2113B	03	Nga	9.4	69	79
3	2122130067	Phan Thị Kim	Ngân	18/12/2004	CCQ2213C	02	Ngân	8.2	60	69
4	2121130021	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	24/01/2003	CCQ2113A	01	Bichngoc	7.2	45	56
5	2121130027	Hồ Thị Thu	Nguyệt	21/01/2003	CCQ2113A	04	Nguyệt	9.4	69	79
6	2121130023	Kiều Thị Hồng	Nguyệt	30/10/2003	CCQ2113A	03	Nguyet	7.7	32 th	50 th
7	2121130028	Mai Phương	Nhi	02/06/2003	CCQ2113A	02	Nhi	9.0	59	71
8	2120130017	Lê Thị Thanh	Nho	03/02/2002	CCQ2013A	03	Nho	7.0	42	53
9	2118130097	Trần Huỳnh	Như	19/01/2000	CCQ1813B	04	hu	7.7	77	77
10	2121130009	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	26/09/2003	CCQ2113A	01	nhung	7.5	57	64
11	2122130070	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	23/03/2004	CCQ2213C	02	Nhung	8.4	34	54
12	2121130002	Cao Hoài	Nữ	20/07/2003	CCQ2113A	03	Hoai	6.6	47	55
13	2121130052	Phạm Thị Hồng	Phi	13/07/2003	CCQ2113B			3.3		
14	2121130049	Nguyễn Thị Kim	Phụng	25/09/2003	CCQ2113B	01	Phung	8.3	56	67
15	2121130003	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	10/06/2003	CCQ2113A	02	Tham	6.6	32	46
16	2121130035	Lương Hữu	Thắng	26/02/2000	CCQ2113B	04	Chen	8.7	57	69
17	2121130036	Lê Thị Thu	Thảo	30/12/2003	CCQ2113B	04	thao	9.2	43	63
18	2121130012	Huỳnh Thị Kim	Thi	18/06/2003	CCQ2113A	03	thi	8.6	67	75
19	2121130042	Lê Thị Kim	Thoa	19/10/2003	CCQ2113B			5.3		
20	2121130007	Hoàng Thị Lệ	Thùy	13/08/2003	CCQ2113A	01	Thuy	7.8	55	64
21	2121130038	Ngô Thị Thùy	Trang	03/05/2003	CCQ2113B	04	Trang	9.3	42	62
22	2122130068	Nguyễn Đình	Trí	02/10/2004	CCQ2213C	01	Trí	7.9	44	58
23	2120130029	Ngô Trần Anh	Tuyền	10/01/2002	CCQ2013A	02	Tuyen	9.8	81	88
24	2121130016	Trần Thị Minh	Tuyết	04/01/2003	CCQ2113A	03	Tu	7.9	59	67
25	2121130050	Nguyễn Thị Thảo	Vi	22/04/2002	CCQ2113B	04	me	8.9	24	50 th
26	2121130051	Trần Thị Tường	Vi	09/03/2003	CCQ2113B	01	Tuong	8.6	61	71
27	2120130058	Huỳnh Quốc	Vinh	08/10/2001	CCQ2013B	02	Quoc	9.7	77	85
28	2120130059	Trần Thị Tường	Vy	11/09/2002	CCQ2013B	01	Tuong	8.0	37	54

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

T. Thuận

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (May)
(22400701)

Ngày thi: 08/11/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B107

Số SV có mặt: 28..

Số bài thi:28..

Số tờ giấy thi: 28..

Signature of examiners and supervisors.

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP
29	2122130073	Trần Thị Hồng	Xuân	20/05/2004	CCQ2213C	02	Quang	8.3	56	67
30	2121130022	Đạo Thị Như	Ý	11/02/2003	CCQ2113A	03	Như	6.7	29	44